

Ngày: 30/9/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Hoàng Minh Đang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, N phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Nghiệp V; Sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Số 1108 đường K, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Bà Hồng Ngọc Kim H; Sinh năm: 1963;

Nơi cư trú: Số 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Hoài T; Sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số 264/1/2A đường G, phường M, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Nguyễn Ngọc N; Sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn ông Trần Nghiệp V trình bày:

Ngày 10/12/2015, ông V có cho bà Hồng Ngọc Kim H vay số tiền 170.000.000 đồng. Để làm tin, bà H cầm cố cho ông V căn nhà số 1107/174 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V, bà H tiến hành giao kết Hợp đồng vay tiền tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh trong cùng ngày 10/12/2015 với thoả thuận thời hạn vay là 24 tháng, không tính lãi suất.

Ngày 18/01/2016, ông V tiếp tục cho bà Hồng Ngọc Kim H vay số tiền 60.000.000 đồng. Để làm tin, bà H cầm cố cho ông V một phòng trong căn nhà số 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên xác lập Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh trong cùng ngày 18/01/2016 với thoả thuận thời hạn vay là 12 tháng, không tính lãi suất.

Đến kỳ hạn thanh toán nợ gốc đã vay, bà H chỉ trả lại cho ông V 60.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng bà H vẫn chưa thanh toán nợ dù ông V nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho ông V như đã thoả thuận.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ông V khởi kiện bà H để yêu cầu:

- Bà H phải trả lại số tiền nợ gốc đã vay cho ông V là 170.000.000 đồng ngay một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông V không yêu cầu bà H trả tiền lãi.

- Kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ông V có đơn yêu cầu thi hành án mà bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì ông V yêu cầu bà H còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Số tiền ông V cho bà H vay là tiền Tộc sở hữu cá nhân của ông V, không liên quan đến vợ ông V là bà Nguyễn Thị Hoài T. Khi ông V cho bà H vay, bà T có biết sự việc này và không có ý kiến gì.

Ông V chỉ cho bà H vay, trực tiếp giao dịch và thoả thuận với bà H, nên nay ông V khởi kiện bà H yêu cầu bà H chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc cho ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Hồng Ngọc Kim H đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng

bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà H cũng không có bất kỳ V bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nghiệp V. Do đó, Tòa án không thể T thập được lời khai của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày: Bà T và ông V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/02/2016. Bà T xác nhận số tiền ông V cho bà H vay là tiền riêng của ông V, bà T biết sự việc ông V cho bà H vay tiền và không có ý kiến gì. Bà T đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Ngọc N đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông N không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông N cũng không có bất kỳ V bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nghiệp V. Do đó, Tòa án không thể T thập được lời khai của ông N.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – ông Trần Nghiệp V và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án bà Nguyễn Thị Hoài T có V bản xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Hồng Ngọc Kim H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án **chưa** đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các **Điều 471, 474, Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Nghiệp V.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Nghiệp V khởi kiện bà Hồng Ngọc Kim H yêu cầu bà H chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ gốc theo Hợp đồng vay tài sản đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Do bị đơn – bà Hồng Ngọc Kim H có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong hợp đồng vay tài sản bà H cũng ký xác nhận địa chỉ tại 1107/176 đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù theo xác minh của Công an Phường B, Quận 8 ngày 11/3/2019 ghi nhận hiện bà H không thực tế cư ngụ tại địa phương nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – ông Trần Nghiệp V và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông V, bà T.

Bị đơn – bà Hồng Ngọc Kim H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án ông Nguyễn Ngọc N, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H, ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Hồng Ngọc Kim H, ông Nguyễn Ngọc N.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 và trình bày của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hoài T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy số tiền ông V cho bà H vay là tiền riêng của ông V. Tại Hợp đồng vay tiền có số công chứng 27497 ngày 10/12/2015 và Hợp đồng vay tiền có số công chứng 01058 ngày 18/01/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, Thành phố Hồ Chí Minh, số 94 - 96 đường Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện việc giao nhận tiền chỉ được thực hiện giữa bên cho vay là ông Trần Nghiệp V cùng chữ ký xác nhận của bên vay là bà Hồng Ngọc Kim H, không có chữ ký của chồng bà H và bà H trực tiếp giao dịch với ông V, ông V khởi kiện yêu cầu bà H chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ gốc đã vay. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách là

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Nguyễn Ngọc N

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tiền có số công chứng 27497 ngày 10/12/2015 và Hợp đồng vay tiền có số công chứng 01058 ngày 18/01/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, Thành phố Hồ Chí Minh các bên thoả thuận thời hạn vay tiền là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Ông V khởi kiện ngày 03/12/2018, vì vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền có số công chứng 27497 ngày 10/12/2015 và Hợp đồng vay tiền có số công chứng 01058 ngày 18/01/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Hồng Ngọc Kim H ký trước mặt công chứng viên nên đủ cơ sở để xác định bà H có vay của ông V tổng cộng số tiền 230.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bà H phải trả dứt nợ cho ông V. Tuy nhiên, theo trình bày của ông V thì bà H chỉ thanh toán cho ông V 60.000.000 đồng tiền nợ gốc. Sau đó không thực hiện đúng thoả thuận thanh toán nợ vay đã ký kết. Vì vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên, Toà án đã nhiều lần triệu tập bà H nhưng bà H không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn tự khai nhận, bị đơn có vay và hiện còn nợ số tiền 170.000.000 đồng đã được thể hiện tại Hợp đồng vay tiền có số công chứng 27497 ngày 10/12/2015 và Hợp đồng vay tiền có số công chứng 01058 ngày 18/01/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa thanh toán cho nguyên đơn hết số tiền nợ gốc 170.000.0000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn là có lợi cho bị đơn. Đây cũng là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là $170.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.500.000 \text{ đồng}$.

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn – ông Trần Nghiệp V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11;
- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hồng Ngọc Kim H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Nghiệp V số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tiền có số công chứng 27497 ngày 10/12/2015 và Hợp đồng vay tiền có số công chứng 01058 ngày 18/01/2016 lập tại Phòng Công chứng Số 2, Thành phố Hồ Chí Minh, số 94-96 đường Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Hồng Ngọc Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ông Trần Nghiệp V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai T tiền số 0018890 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính